

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, Gia Lai trở thành một trong những địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên; xây dựng chính quyền số vận hành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực; kinh tế số trở thành động lực tăng trưởng quan trọng; xã hội số phát triển bao trùm, an toàn, thu hẹp khoảng cách số giữa các vùng trong tỉnh, cụ thể:

- Về chính quyền số: Xây dựng chính quyền số hai cấp hiện đại, minh bạch, hiệu quả; triển khai thủ tục hành chính, điều hành công vụ trên môi trường số, không phụ thuộc địa giới hành chính. Phân đầu Gia Lai nằm trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu cả nước về chỉ số phát triển chính quyền số và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Về kinh tế số: Đẩy mạnh phát triển các mô hình kinh tế số, thương mại điện tử. Đến năm 2030, kinh tế số chiếm tối thiểu 30% GRDP của tỉnh; lĩnh vực ưu tiên gồm: nông nghiệp, du lịch, xây dựng, logistics...

- Về xã hội số: Xây dựng xã hội số toàn diện, người dân được phổ cập kỹ năng số, sử dụng thành thạo dịch vụ công, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân thông qua các dịch vụ số thiết yếu trong lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

2.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số thông minh

*** Giai đoạn 2026 - 2027**

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

*** Giai đoạn 2028 - 2030**

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công

trực tuyến.

- 70% dữ liệu mở được công bố có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài, trong đó có ít nhất 30 sáng kiến đổi mới sáng tạo hoặc sản phẩm dịch vụ kinh tế sử dụng dữ liệu mở do cơ quan nhà nước công bố.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

* Giai đoạn năm 2026 - 2027

- 100% thủ tục hành chính nội bộ trong từng cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử.

- 100% nền tảng số dùng chung quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực có liên quan được tổ chức triển khai, kết nối và sử dụng theo lộ trình, kế hoạch.

- Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của tỉnh đạt cấp độ 3.

- 80% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 90% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức có hồ sơ điện tử.

- 50% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của địa phương được đào tạo quản trị dữ liệu cơ bản.

- 100% dự án, nhiệm vụ đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ phục vụ chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước được đánh giá việc tuân thủ Khung kiến trúc số của tỉnh và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, xây dựng, vận hành, nâng cấp.

* Giai đoạn năm 2028 - 2030

- Mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu của tỉnh đạt cấp độ 5.

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền khai thác, bảo đảm chất lượng và sẵn sàng khai thác phục vụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo quy định.

- Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (Trung tâm IOC) được nâng

cấp, ứng dụng AI trong phân tích, dự báo và cảnh báo sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản trên nền tảng trợ lý ảo phục vụ công vụ và thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 90% phản hồi, góp ý của người dân từ Công dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường... được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý trên môi trường số.

- 100% các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 70% số chỉ tiêu thống kê của tỉnh được biên soạn, tổng hợp từ nguồn dữ liệu hành chính.

- 100% cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu của địa phương được đào tạo quản trị dữ liệu cơ bản.

- Có tối thiểu 01 dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển chính quyền số áp dụng mô hình hợp tác công tư (PPP).

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.

- 100% xã, phường triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- 100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tăng trưởng hai con số của nền kinh tế

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP để góp phần vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số của cả giai đoạn.

- Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 15 - 20%.

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%.

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

- Hỗ trợ ít nhất 30.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng sản phẩm, giải pháp công nghệ số, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước đạt tối thiểu 45%.

- Trên 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng các nền tảng, công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) dùng chung.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình.

- Mạng băng rộng di động 5G đạt tốc độ tối thiểu 100 Mb/s, phủ sóng 99% dân số trên địa bàn tỉnh;

- 100% công dân từ 14 tuổi trở lên có căn cước, tài khoản định danh điện tử;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.

- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông cơ bản đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 70%.

- Phổ cập, đào tạo kỹ năng số cơ bản cho người dân và người lao động trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 10 triệu lượt người lao động.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả chuyển đổi số trong phạm vi quản lý.

- Vận hành hiệu quả Trung tâm IOC để giám sát, chỉ đạo, điều hành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, dịch vụ công, an toàn thông tin và các nhiệm vụ chuyển đổi số trên cơ sở dữ liệu theo thời gian thực.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 (phê duyệt tại Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ) vào kế hoạch hằng năm của các cơ

quan, đơn vị, địa phương; xác định rõ lộ trình, nhiệm vụ, nguồn lực và trách nhiệm thực hiện.

- Định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Công bố kết quả đánh giá công khai để đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị thực hiện chưa tốt.

- Tổ chức cụ thể hóa và thực hiện 07 nguyên tắc¹ cốt lõi của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số ban hành kèm theo Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ; bảo đảm kết quả thực hiện được theo dõi, đo lường, đánh giá trên cơ sở dữ liệu số phát sinh từ hoạt động thực tế, hạn chế tối đa việc tổng hợp, báo cáo thủ công. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chịu trách nhiệm bảo đảm các nhiệm vụ, dự án tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc số của tỉnh.

2. Về thể chế, chính sách

- Trong năm 2026, rà soát, đánh giá các chương trình, đề án, kế hoạch về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, hạ tầng số, dữ liệu số và đào tạo kỹ năng số đã ban hành; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tích hợp các nội dung không còn phù hợp với Luật Chuyển đổi số và Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số. Sản phẩm: Báo cáo rà soát kèm danh mục văn bản cần xử lý theo thẩm quyền.

- Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy định, quy chế, tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị. Trong đó, ưu tiên ban hành quy chế quản trị dữ liệu cấp tỉnh, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn, phương thức thu thập, lưu trữ, chia sẻ, sử dụng và thương mại hóa dữ liệu của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và tổ chức liên quan; đồng thời xác lập các tiêu chuẩn về API mở, liên thông dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu địa phương.

- Thiết lập cơ chế hợp tác công - tư (PPP) trong lĩnh vực dữ liệu và nền tảng số, thí điểm các mô hình “đặt hàng - đối ứng - đồng tài trợ” đối với các dự án đầu tư hạ tầng, dữ liệu và dịch vụ số.

- Đổi mới phương thức quản trị của chính quyền số, chuyển từ mô hình “quản lý theo hồ sơ - văn bản” sang “quản trị theo dữ liệu và kết quả đầu ra”. Các quyết định chỉ đạo, điều hành của tỉnh sẽ dựa trên phân tích dữ liệu thời gian thực, được tổng hợp từ Kho dữ liệu dùng chung và các nền tảng giám sát, dự báo thông minh. Mỗi cơ quan, đơn vị sẽ chịu trách nhiệm về chất lượng, tính kịp thời và khả năng chia sẻ của dữ liệu trong phạm vi phụ trách.

- Rà soát, xây dựng và ban hành Khung kiến trúc số của tỉnh phù hợp với

¹ (1) quản trị trên cơ sở định lượng, đo lường và kiểm chứng được kết quả; (2) lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu theo thời gian thực; (3) vận hành thông minh và tự động hóa trên cơ sở ưu tiên ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI First); (4) phân cấp, phân quyền mạnh mẽ trên nền tảng số; (5) lấy người dùng làm trung tâm với hệ sinh thái dịch vụ hợp nhất; (6) bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư là yêu cầu tiên quyết, xuyên suốt; (7) thúc đẩy phát triển dữ liệu mở, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và đổi mới sáng tạo.

Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0); trong đó xác định lộ trình xử lý các hạ tầng số, hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số chưa phù hợp hoặc trùng lặp sau hợp nhất tỉnh, bảo đảm kế thừa kết quả đầu tư, tránh lãng phí nguồn lực.

- Ban hành hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Kiến trúc của Mô hình chuyển đổi số cấp xã; phân định rõ phạm vi, trách nhiệm triển khai giữa Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã.

- Tổ chức đánh giá, giám sát việc tuân thủ Khung kiến trúc số trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án, nhiệm vụ và trong đầu tư, xây dựng, nâng cấp, vận hành các hệ thống theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; cập nhật, báo cáo trên Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS). Rà soát, đề xuất xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của tỉnh bảo đảm đủ cơ sở pháp lý triển khai Khung kiến trúc.

- Xây dựng quy định về việc bắt buộc tích hợp thiết bị cảm biến và các ứng dụng công nghệ số khác vào công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, kèm lộ trình áp dụng phù hợp.

3. Hạ tầng số

- Tập trung phát triển hạ tầng viễn thông và Internet theo hướng hiện đại, đồng bộ, chất lượng cao, bảo đảm vai trò nền tảng cho phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số, cụ thể như sau:

- + Tổ chức triển khai mạng băng rộng di động thế hệ mới (5G) trên địa bàn tỉnh; ưu tiên các khu vực đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, trung tâm hành chính, y tế, giáo dục và các trục giao thông trọng điểm.

- + Phủ cáp quang 100% xã/phường đảm bảo kết nối băng thông rộng tốc độ cao cho toàn dân. Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông đầu tư trạm thu phát sóng nhỏ, đảm bảo không còn “vùng lõm kết nối”.

- + Tổ chức thực hiện việc ngầm hóa hệ thống cáp viễn thông, cáp truyền hình theo quy hoạch; tăng cường quản lý, giám sát việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật giữa các ngành viễn thông, điện lực, cấp thoát nước, giao thông và chiếu sáng đô thị.

- Mở rộng hạ tầng Internet vạn vật (IoT) để phục vụ các lĩnh vực như quản lý giao thông, chiếu sáng đô thị, giám sát môi trường, quản lý nông nghiệp, logistics, an ninh trật tự và phòng, chống thiên tai. Mỗi lĩnh vực sẽ có hệ thống cảm biến, thiết bị đầu cuối, được kết nối qua Nền tảng kết nối thiết bị IoT, Nền tảng quản lý video (VMS) dùng chung cấp tỉnh và cơ chế chia sẻ dữ liệu liên ngành, bảo đảm tính đồng bộ, tương thích và tiết kiệm đầu tư.

- Phát triển hạ tầng Internet vạn vật, hệ thống cảm biến, thiết bị quan trắc, thiết bị bay không người lái, camera ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các thiết bị thông minh phục vụ quản lý, giám sát trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, đất

đai, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, thủy lợi và phòng, chống thiên tai. Dữ liệu thu thập từ các thiết bị được kết nối, tích hợp, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Kho dữ liệu số dùng chung và Trung tâm giám sát, điều hành thông minh của tỉnh theo quy định.

- Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) ổn định, an toàn, thông suốt, từ cấp tỉnh đến cấp xã trên cơ sở tái cấu trúc mạng TSLCD hiện có và mạng diện rộng của tỉnh. Thực hiện dịch chuyển ứng dụng, nền tảng dùng chung cấp quốc gia, ngành, lĩnh vực, vùng và của bộ, ngành, địa phương lên mạng TSLCD để bảo đảm kết nối thông suốt, an toàn, đồng bộ theo quy định tại Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng, nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo mô hình điện toán đám mây, kết nối với hệ thống đám mây của Chính phủ nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng. Đẩy nhanh tốc độ di chuyển các hệ thống thông tin của tỉnh lên nền tảng điện toán đám mây dùng chung quốc gia để đảm bảo an toàn, giảm đầu tư phân tán theo Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên dữ liệu trong hệ thống chính trị. Việc nâng cấp thực hiện trên cơ sở kế thừa Trung tâm dữ liệu hiện có; ưu tiên sử dụng hạ tầng, nền tảng điện toán đám mây tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; chỉ xây dựng, triển khai mới khi thật sự cần thiết theo Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cấp, mở rộng Trung tâm IOC để thực hiện quản lý, điều hành tập trung, đa nhiệm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đảm bảo tích hợp các hệ thống camera trên địa bàn tỉnh về Trung tâm IOC để phục vụ giám sát và điều hành giao thông, an ninh trật tự theo Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Gia Lai.

- Thực hiện nghiêm túc “Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6” đảm bảo 100% hệ thống thông tin dùng chung, Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai, vận hành trên nền IPv6.

- Ưu tiên sử dụng chung, chuẩn hóa, kế thừa, hợp nhất, tích hợp và nâng cấp hạ tầng số, hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số hiện có của hai tỉnh trước hợp nhất; chỉ đầu tư, xây dựng mới khi chưa có thành phần dùng chung hoặc việc kế thừa, nâng cấp không đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật, an ninh mạng hoặc yêu cầu đặc thù theo quy định của pháp luật. Không đầu tư độc lập các hạ tầng, hệ thống, nền tảng trùng lặp với thành phần dùng chung đã được triển khai ở cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh.

4. Nhân lực số

- Bố trí, kiện toàn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thu hút chuyên gia, nhân lực CNTT tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ đến tỉnh đầu tư, làm việc.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức; trong đó, bồi dưỡng về quản trị dựa trên dữ liệu cho đội ngũ lãnh đạo các cấp.

- Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, phù hợp đặc thù tỉnh có 23,98% dân số là người dân tộc thiểu số.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại. Tập trung kỹ năng quản trị số, khai thác dữ liệu, sử dụng nhật ký điện tử, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu và ứng dụng công nghệ số trong sản xuất cho cán bộ quản trị hợp tác xã, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nông nghiệp, chủ thể OCOP và nông dân tại các vùng nguyên liệu. Phấn đấu giai đoạn 2026 - 2030 đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn khoảng 1.500 lượt người theo chương trình, nội dung do Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn.

5. Phát triển dữ liệu số

Dữ liệu số là hạt nhân của chuyển đổi số, là cơ sở để chính quyền ra quyết định dựa trên bằng chứng, để doanh nghiệp sáng tạo sản phẩm, dịch vụ mới, và để người dân được phục vụ nhanh hơn, chính xác hơn, thuận tiện hơn.

Các nhiệm vụ trọng tâm gồm:

- Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; tập trung dữ liệu từ các ngành trọng điểm: Đất đai, xây dựng, y tế, giáo dục, doanh nghiệp. Triển khai các công cụ rà soát, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu, đảm bảo dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”. Nâng cao mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu lên cấp độ 4 - 5.

- Công bố dữ liệu mở phục vụ người dân và doanh nghiệp khai thác, tạo ra giá trị mới, như: dữ liệu quan trắc môi trường, dữ liệu quy hoạch, doanh nghiệp, báo chí, đổi mới sáng tạo, thị trường lao động, việc làm, nhu cầu tuyển dụng lao động... Công khai hiện trạng, lộ trình xây dựng dữ liệu của các cơ quan nhà nước; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ phát triển dữ liệu của các sở, ban, ngành, địa phương.

- Nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) theo hướng nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu cấp tỉnh (LGSP/LDOP), đáp ứng tiêu chuẩn của quốc gia; 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành, địa phương phải được kết nối và chia sẻ với LGSP (trừ các CSDL có tính đặc thù), đảm bảo khả năng liên thông dữ liệu thông suốt giữa các cơ quan và với nền tảng quốc gia.

- Kết hợp khai thác, sử dụng dữ liệu và ứng dụng AI đối với 100% thủ tục

hành chính có đủ điều kiện cung cấp trực tuyến, nâng cao hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp; xây dựng tối thiểu 01 mô hình dự đoán, dự báo, cảnh báo phục vụ quản lý điều hành; phấn đấu giảm 50% thời gian xử lý thủ tục hành chính nhờ ứng dụng AI, từng bước chuyển từ dịch vụ công trực tuyến sang dịch vụ công trực tuyến tự động (hỗ trợ tự động điền biểu mẫu, tự thẩm định hồ sơ đơn giản).

- Nghiên cứu, chuẩn bị điều kiện và đề xuất thí điểm khai thác, cung cấp dữ liệu trên sàn dữ liệu hoặc không gian giao dịch dữ liệu theo hướng dẫn, cơ chế, tiêu chuẩn và lộ trình của cơ quan có thẩm quyền; phát triển các dịch vụ dữ liệu hợp pháp như tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu nhằm tạo giá trị mới từ dữ liệu, phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Tổ chức nghiên cứu, đo lường đóng góp của kinh tế dữ liệu trong GRDP tỉnh, làm cơ sở hoạch định chính sách phát triển kinh tế dữ liệu.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số ngành Nông nghiệp và Môi trường; chuẩn hóa, số hóa, cập nhật và khai thác dữ liệu về vùng trồng, vùng nguyên liệu, mã số vùng trồng, cơ sở chăn nuôi, vùng nuôi trồng thủy sản, tàu cá, lâm nghiệp, thủy lợi, môi trường, tài nguyên nước và phát triển nông thôn; tích hợp nhật ký điện tử, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực. Từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, dữ liệu quan trắc, viễn thám và bản đồ số phục vụ quản lý, dự báo, cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định; kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Kho dữ liệu dùng chung, Trung tâm IOC và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh theo quy định.

- Cập nhật, ban hành Khung kiến trúc dữ liệu cấp tỉnh, Khung quản trị, quản lý dữ liệu cấp tỉnh và Từ điển dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, bảo đảm đồng bộ với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung và Khung kiến trúc số của tỉnh.

- Ban hành Danh mục dữ liệu cấp xã phải cập nhật, cơ chế kiểm soát chất lượng dữ liệu và chia sẻ dữ liệu giữa cấp tỉnh với cấp xã; hình thành Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân phục vụ tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Trách nhiệm của từng chủ thể trong toàn bộ vòng đời dữ liệu:

- + Cơ quan chủ quản dữ liệu (là cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành) chịu trách nhiệm về tính pháp lý, phạm vi thu thập, mục đích sử dụng và quyết định việc chia sẻ dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý; phê duyệt danh mục dữ liệu, quy định phân quyền truy cập và chịu trách nhiệm cuối cùng về chất lượng dữ liệu do mình chủ quản.

- + Cơ quan quản trị dữ liệu (đơn vị đầu mối kỹ thuật – công nghệ thông tin được giao vận hành Kho dữ liệu dùng chung, nền tảng LGSP) chịu trách nhiệm vận hành hạ tầng kỹ thuật, tổ chức kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống; xây dựng và duy trì cơ chế kiểm tra, đánh giá chất lượng dữ liệu (định kỳ

rà soát, phát hiện sai lệch, trùng lặp, thiếu trường thông tin); tổ chức làm sạch, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu theo tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất; bảo đảm an toàn, bảo mật trong quá trình lưu trữ và luân chuyển dữ liệu.

+ Đơn vị khai thác dữ liệu (cơ quan, tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng dữ liệu để phục vụ công tác chuyên môn hoặc cung cấp dịch vụ công) có trách nhiệm sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng phạm vi được cấp phép; phản hồi, báo cáo kịp thời các sai sót, bất cập phát hiện trong quá trình khai thác để cơ quan quản trị dữ liệu xử lý, cập nhật; không được sao chép, chuyển giao dữ liệu cho bên thứ ba khi chưa được cơ quan chủ quản dữ liệu cho phép.

+ Các cơ quan, đơn vị phối hợp xây dựng cơ chế kiểm tra, đánh giá chất lượng dữ liệu định kỳ (tối thiểu 6 tháng/lần) theo bộ tiêu chí thống nhất toàn tỉnh; quy định rõ quy trình làm sạch, chuẩn hóa, cập nhật, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa ba nhóm chủ thể nêu trên, gắn với việc xem xét, xử lý trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng dữ liệu sai lệch, không cập nhật hoặc không chia sẻ theo quy định. Mục tiêu là bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu và cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh.

6. An toàn thông tin mạng

- Xây dựng năng lực phòng thủ chủ động, quản trị rủi ro toàn diện và bảo vệ chủ quyền dữ liệu địa phương. Xây dựng, triển khai Trung tâm an ninh mạng cấp tỉnh; mở rộng phạm vi giám sát đến toàn bộ hệ thống thông tin của các sở, ngành, xã/phường, các đơn vị cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các doanh nghiệp hạ tầng quan trọng.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Bảo đảm 100% hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Triển khai các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, chống lộ lọt dữ liệu, tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định. Triển khai chương trình “An toàn thông tin cộng đồng” đến từng xã, phường, trường học và doanh nghiệp, nhằm phổ cập kiến thức về bảo mật cá nhân, nhận diện tấn công lừa đảo, bảo vệ thiết bị và dữ liệu cá nhân.

7. Chính quyền số

- Triển khai chính quyền số đồng bộ hai cấp hành chính, bảo đảm đồng bộ, thống nhất các nền tảng số trong chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Các thủ tục hành chính có tần suất cao trong các lĩnh vực như đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động - việc làm, đầu tư - kinh doanh, bảo hiểm xã hội... sẽ được ưu tiên số hóa toàn bộ quy trình, hướng tới mục tiêu “một lần khai báo - nhiều lần sử dụng, không yêu cầu giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu”; hoàn thành tái cấu trúc quy trình 100% thủ tục hành chính thiết yếu trong năm 2026 theo hướng cắt giảm tối đa giấy tờ, bắt buộc áp dụng nguyên tắc người dân không phải

khai báo lại thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Xây dựng Dashboard theo dõi tình hình giải quyết thủ tục hành chính toàn tỉnh; đồng bộ dữ liệu từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống chuyên ngành để theo dõi trực tuyến tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của các sở, ngành, địa phương; tự động cảnh báo hồ sơ quá hạn, hồ sơ có nguy cơ trễ hạn, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ số hóa hồ sơ, tái sử dụng dữ liệu và Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp. Đối với thủ tục hành chính đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo mô hình tập trung tại hệ thống của bộ, ngành, thực hiện kết nối, đồng bộ dữ liệu qua Cổng Dịch vụ công quốc gia để tra cứu, theo dõi, thống kê, đánh giá tại địa phương.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động công vụ. Trợ lý số công vụ được tích hợp trực tiếp vào hệ thống văn phòng điện tử và Kho dữ liệu dùng chung, giúp tiết kiệm thời gian, nâng cao năng suất lao động, giảm sai sót và tăng tính nhất quán trong điều hành; ứng dụng trợ lý ảo hỗ trợ lãnh đạo trong chỉ đạo, điều hành; AI hỗ trợ xử lý văn bản đến, tổng hợp báo cáo, xây dựng dự thảo văn bản, tra cứu quy định pháp luật, phân tích dữ liệu điều hành, hỗ trợ cán bộ tại Bộ phận Một cửa và hỗ trợ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Việc triển khai trợ lý ảo, nền tảng AI của tỉnh theo hướng tích hợp, sử dụng chung Trợ lý ảo quốc gia, Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung, tránh trùng lặp. Đối với các quyết định ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, việc ứng dụng AI chỉ có tính chất hỗ trợ; cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm xem xét, quyết định cuối cùng. Hệ thống ứng dụng AI phải có cơ chế giám sát, lưu vết, giải trình và kiểm soát rủi ro.

- Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo và triển khai đến tất cả các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; khai thác, tái sử dụng dữ liệu đã có trong các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu của tỉnh; từng bước cắt giảm thành phần hồ sơ, tự động điền biểu mẫu, giảm thời gian xử lý, giảm việc người dân, doanh nghiệp phải cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu.

- Triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã theo cấu trúc 04 lớp (hạ tầng số và an ninh mạng; dữ liệu và nền tảng lõi; ứng dụng và nghiệp vụ; kênh tương tác và đo lường hiệu quả) và 02 thành phần xuyên suốt (vận hành - quản trị; nguồn lực - nhân lực). Cấp tỉnh tổ chức vận hành tập trung các nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung; thiết lập cơ chế hỗ trợ kỹ thuật, quản lý tài khoản, phân quyền, giám sát vận hành cho cấp xã. Cấp xã khai thác, sử dụng, cập nhật dữ liệu đầy đủ, đúng thời hạn; không tự tổ chức vận hành các nền tảng dùng chung. Việc triển khai thực hiện linh hoạt theo điều kiện từng loại địa bàn đô thị, nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo.

8. Kinh tế số

- Đưa vào triển khai 100% sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng địa phương lên các sàn thương mại điện tử, áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử và chứng nhận số để minh bạch thông tin sản phẩm. Khuyến khích thanh toán điện tử, hóa đơn và hợp đồng số trong mọi hoạt động giao dịch.

- Phát triển doanh nghiệp công nghệ số làm lực lượng nòng cốt. Đến năm 2030, trên 70% doanh nghiệp và hợp tác xã sẽ sử dụng nền tảng số trong quản trị, sản xuất, kinh doanh; 100% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử và ít nhất 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới quy trình hoặc mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số.

- Hỗ trợ chuyển đổi số cho hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp và hộ sản xuất nông nghiệp. Tổ chức khảo sát, đánh giá mức độ chuyên đổi số; tư vấn xây dựng lộ trình; giới thiệu, kết nối và hỗ trợ áp dụng các nền tảng, giải pháp số phù hợp trong quản trị, kế toán, nhật ký sản xuất, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, kết nối thị trường và quản lý chuỗi cung ứng. Ưu tiên vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ.

- Triển khai đồng bộ chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh, bao gồm tư vấn, đào tạo, hỗ trợ chi phí thuê nền tảng và bảo đảm an toàn dữ liệu. Khuyến khích áp dụng AI, IoT, dữ liệu lớn (Big Data) trong sản xuất, kinh doanh và quản trị chuỗi cung ứng; đồng thời phát triển các mô hình kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ trong du lịch, vận tải, thương mại dịch vụ và nông nghiệp.

- Thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh xây dựng hiện diện số trực tuyến thông qua tên miền quốc gia “.vn” gắn với website, email và các dịch vụ số.

- Xây dựng các hệ thống thông tin quảng bá và xúc tiến du lịch tỉnh, trong đó đa dạng hóa hình thức du lịch thông qua các chương trình du lịch số, du lịch thực tế ảo; áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo hướng tới hình thành các điểm đến thông minh và cá nhân hóa trải nghiệm.

- Thúc đẩy ứng dụng nền tảng số, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc điện tử, mã số vùng trồng, vùng nuôi và công nghệ số trong quản lý, sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, thủy sản; hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp và hộ sản xuất nông nghiệp tham gia chuỗi giá trị số.

9. Xã hội số

Phát triển toàn diện hạ tầng và nền tảng phục vụ xã hội số, bao gồm giáo dục, y tế, văn hóa, an sinh, môi trường và đời sống cộng đồng:

- Triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến (LMS) tích hợp kho học liệu số dùng chung, hỗ trợ giáo viên và người học tham gia hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến. Xây dựng và triển khai mô hình Trường học số trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân; ứng dụng AI và IoT trong chẩn đoán, giám sát sức khỏe từ xa. Các bệnh viện, trạm y tế triển khai hệ thống bệnh án điện tử, kê đơn thuốc số, thanh toán không tiền mặt, hướng tới mô hình bệnh viện số - y tế thông minh, đặc biệt tại cấp tỉnh.

- An sinh xã hội số được triển khai gắn với định danh điện tử công dân (VNeID), nhằm bảo đảm minh bạch, nhanh chóng và đúng đối tượng trong chi trả trợ cấp, bảo hiểm, hỗ trợ người yếu thế. Các chương trình giảm nghèo, hỗ trợ việc làm, đào tạo nghề, bảo hiểm y tế, giáo dục và nhà ở xã hội sẽ được số hóa dữ liệu và quy trình quản lý, hình thành “cơ sở dữ liệu an sinh thống nhất toàn tỉnh”, phục vụ giám sát, đánh giá và hoạch định chính sách xã hội hiệu quả hơn.

- Đẩy mạnh chi trả các chế độ an sinh xã hội không dùng tiền mặt; mở rộng thanh toán qua tài khoản ngân hàng, ví điện tử, Mobile Money đối với các đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai cấp và sử dụng chữ ký số, chữ ký điện tử cho người dân gắn với ứng dụng VNeID phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến theo quy định pháp luật.

- Duy trì, củng cố Tổ công nghệ số cộng đồng; triển khai điểm hỗ trợ chuyển đổi số cộng đồng, dịch vụ công lưu động, hỗ trợ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa để người dân thuộc nhóm yếu thế, người không có thiết bị hoặc thiếu kỹ năng số vẫn tiếp cận, sử dụng được dịch vụ số; các kênh tương tác hỗ trợ đa ngôn ngữ, bao gồm tiếng dân tộc, tích hợp tính năng hướng dẫn bằng giọng nói, phù hợp đặc thù của tỉnh. Ứng dụng công dân số của tỉnh được tích hợp, liên thông với Công Dịch vụ công quốc gia và ứng dụng định danh điện tử VNeID, bảo đảm hệ sinh thái dịch vụ thống nhất, không phân mảnh trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp.

III. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Gắn kết chặt chẽ mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số với các nghị quyết, chiến lược, chương trình phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng và an ninh của từng cấp, từng ngành; đặc biệt là thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 theo Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, trên địa bàn phụ trách; tái cấu trúc mô hình hoạt động, quy trình nghiệp vụ từ “truyền thống” sang “số hóa dựa trên dữ liệu”; đồng thời quán triệt, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, người dân và doanh nghiệp.

- Tăng cường vai trò chỉ đạo, điều phối thống nhất trong triển khai phát triển hạ tầng số, viễn thông và Internet trên địa bàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với chương trình cải cách hành chính và phát triển hạ tầng kỹ thuật.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho toàn xã hội, trong đó chú trọng (i) phổ cập kỹ năng số cơ bản, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, (ii) xây dựng các chuyên mục “Chuyển đổi số” trên Cổng thông tin điện tử, báo chí, truyền thông, (iii) tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, các cuộc thi trực tuyến để chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp chuyển đổi số. Lồng ghép nội dung nâng cao kỹ năng số cơ bản với việc sử dụng các dịch vụ Internet, dịch vụ số trong các chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và các hoạt động phổ cập kỹ năng số cho cộng đồng.

- Tổ chức triển khai các chương trình tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số; mở rộng các khóa học trực tuyến đại chúng (MOOCs) nhằm trang bị kiến thức cơ bản cho người dân về chuyển đổi số, sử dụng, quản lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân, cũng như kỹ năng khai thác và làm việc trên môi trường số.

- Thiết lập các kênh hỗ trợ chuyển đổi số, vừa cung cấp thông tin, hướng dẫn, vừa là kênh tiếp nhận phản ánh, góp ý, giám sát việc xây dựng và triển khai chính sách, pháp luật về chuyển đổi số.

- Phổ biến, truyền thông Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Thường xuyên tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng chuyển đổi số cho lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương; bồi dưỡng kỹ năng tham mưu, quản lý dữ liệu số, phân tích - xử lý - khai thác dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ tham mưu trực tiếp, công chức, viên chức trong toàn hệ thống.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển như dữ liệu, bán dẫn.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ trong nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các công nghệ mới liên quan đến hạ tầng viễn thông và Internet như mạng băng rộng tốc độ cao, mạng di động thế hệ mới, hạ tầng kỹ thuật thụ động dùng chung.

- Khuyến khích triển khai các mô hình thí điểm ứng dụng công nghệ mới gắn với phát triển đô thị thông minh, khu công nghiệp, khu kinh tế, y tế, giáo dục và giao thông thông minh.

- Ưu tiên các nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ, mở rộng ứng dụng vào quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong các bài toán quản lý đô thị thông minh (giao thông, môi trường...).

- Việc thiết kế, xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin, nền tảng số tuân thủ các nguyên tắc thiết kế của Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số: ưu tiên API mở (API First); tích hợp yêu cầu an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân ngay từ giai đoạn thiết kế (Security by Design, Privacy by Design); quản trị trí tuệ nhân tạo ngay từ thiết kế (AI Governance by Design); ưu tiên điện toán đám mây (Cloud First); thiết kế theo mô-đun, áp dụng tiêu chuẩn mở; tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ trước khi số hóa; ưu tiên xem xét ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào các quy trình phù hợp (AI First) và lấy dữ liệu làm trung tâm (Data-Centric). Ưu tiên ứng dụng công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược theo Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg ngày 30/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác, xã hội hóa đầu tư trong phát triển hạ tầng viễn thông và Internet; tạo điều kiện thuận lợi về quy hoạch, mặt bằng, thủ tục đầu tư để doanh nghiệp viễn thông triển khai các dự án. Tăng cường quản lý, giám sát việc sử dụng kinh phí bảo đảm hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí; ưu tiên các nhiệm vụ ngầm hóa và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế

- Triển khai hợp tác liên ngành trong việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật giữa viễn thông, điện lực, cấp thoát nước, giao thông và chiếu sáng đô thị; rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về chia sẻ hạ tầng kỹ thuật thụ động.

- Triển khai hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong nghiên cứu, phát triển các nền tảng số chất lượng cao và trong tuyên truyền, phổ biến, đào tạo kỹ năng số cho người dân, nhằm nâng cao năng lực số cộng đồng và thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số toàn diện.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển được cân đối hằng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương; kinh phí tự cân đối và huy động từ các nguồn hợp pháp để thực hiện nhiệm vụ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ tiến độ từng nhiệm vụ, kết quả đầu ra, kinh phí bố trí, giải ngân, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh xây dựng kế hoạch, triển khai công tác thông tin, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để các cấp, các ngành, đông đảo người dân và doanh nghiệp hiểu và tham gia vào Kế hoạch.

- Chủ trì triển khai các giải pháp kỹ thuật về hạ tầng, nền tảng, tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Khung kiến trúc số của tỉnh trước ngày 29/01/2027; ban hành hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện Mô hình chuyển đổi số cấp xã; tổng hợp, rà soát đề xuất của Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Đánh giá việc tuân thủ Khung kiến trúc số khi tham gia ý kiến thẩm định các dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định tại Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ; theo dõi, cập nhật tình hình triển khai trên Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS); xây dựng Bộ chỉ số đo lường kết quả (KPI) cấp tỉnh sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Chủ trì đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Công an tỉnh

- Công an tỉnh chủ trì tham mưu triển khai các nhiệm vụ về dữ liệu trên địa bàn tỉnh, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan chủ quản dữ liệu và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và Từ điển dữ liệu dùng chung.

- Chủ trì, triển khai các nội dung liên quan đến việc sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung tại Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai đo lường đóng góp của kinh tế dữ liệu trong GRDP và thí điểm sản phẩm dữ liệu/không gian giao dịch dữ liệu trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn và tiến độ triển khai của Bộ Công an.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ cập nhật Khung kiến trúc dữ liệu cấp tỉnh, Khung quản trị, quản lý dữ liệu cấp tỉnh, Từ điển dữ liệu dùng chung cấp tỉnh; bảo đảm các nội dung về an ninh mạng trong Khung kiến trúc số của tỉnh đồng bộ với Khung kiến trúc an ninh mạng quốc gia.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số trong hoạt động chỉ đạo, điều hành; vận hành, khai thác hiệu quả Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo, Cổng Thông tin điện tử tỉnh; theo dõi Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; tham mưu nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, tái sử dụng dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động tham mưu, phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu bố trí kinh phí ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thẩm định, trình phê duyệt dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ bảo đảm có nội dung đánh giá việc tuân thủ Khung kiến trúc số của tỉnh theo quy định.

5. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và các địa phương

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể để triển khai tại đơn vị, địa phương mình; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đúng mục tiêu và tiến độ đề ra.

- Các cơ quan tại địa phương chủ động nghiên cứu Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng tại Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ để xác định các nền tảng liên quan đến lĩnh vực hoạt động và nghiệp vụ của cơ quan, đơn vị mình; có trách nhiệm tổ chức triển khai sử dụng nền tảng số dùng chung và thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm của chủ quản dữ liệu đối với dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng nền tảng số này.

- Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân đăng ký chữ ký số công cộng trên VNeID.

- Các cơ quan, đơn vị là chủ quản dữ liệu chịu trách nhiệm tạo lập, cập nhật, bảo đảm chất lượng và khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

- Ủy ban nhân dân các xã, phường: căn cứ hướng dẫn của tỉnh, đề xuất nhu cầu, nội dung triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã phù hợp điều kiện thực tế; bố trí đầu mối phụ trách chuyển đổi số và an ninh mạng; khai thác, sử dụng các nền tảng dùng chung, cập nhật dữ liệu đầy đủ, đúng thời hạn; duy trì hoạt động hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC
DANH MỤC 60 NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. Thẻ chế số

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
1	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương.	Triển khai theo quy định Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo và các nghị định của Chính phủ và chính sách liên quan đến chuyển đổi số. Ban hành tối thiểu 02 văn bản quy phạm pháp luật địa phương phù hợp với Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo theo từng năm kế hoạch	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
2	Xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh triển khai Luật Công nghiệp Công nghệ số số 71/2025/QH15	Nghị quyết Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với phát triển nhân lực và khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số, dự án công nghệ số, công nghiệp bán dẫn, sản xuất thiết bị điện tử và thiết kế chip bán dẫn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12 năm 2026
3	Xây dựng Đề án phát triển Đô thị thông minh tỉnh Gia Lai	Triển khai thực hiện Nghị định số 269/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về phát triển đô thị thông minh	Sở Xây dựng	Tháng 12 năm 2026
4	Xây dựng Quy chế tổ chức hội họp trong hoạt động chỉ đạo, điều hành trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Chuẩn hóa, nâng cao chất lượng, hiệu quả hội họp; tăng cường ứng dụng công nghệ số, tiết kiệm thời gian, chi phí và bảo đảm thực hiện kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được giao.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Tháng 12 năm 2026

5	Rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện Khung Kiến trúc số tỉnh Gia Lai	Rà soát toàn diện Khung kiến trúc số tỉnh Gia Lai ban hành kèm theo Quyết định số 3388/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; cập nhật theo Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0)	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12 năm 2026; cập nhật khi Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số thay đổi
6	Ban hành hướng dẫn và tổ chức triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã	Phân định rõ phạm vi, trách nhiệm triển khai giữa Trung ương, cấp tỉnh, cấp xã; tổng hợp, rà soát đề xuất của cấp xã; 100% xã, phường triển khai Mô hình theo hướng dẫn của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 01 năm 2027; triển khai năm 2027 - 2030
7	Đánh giá, giám sát việc tuân thủ Khung kiến trúc số	Đánh giá tuân thủ kiến trúc trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án, nhiệm vụ và trong vận hành các hệ thống; cập nhật trên Hệ thống quản lý kiến trúc số quốc gia (NAS)	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
8	Rà soát, đánh giá các chương trình, đề án, kế hoạch về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, kỹ năng số của tỉnh	Bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Luật Chuyển đổi số và Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 (Quyết định số 1266/QĐ-TTg); đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tích hợp các nội dung không còn phù hợp, kể cả các kế hoạch, đề án kế thừa từ hai tỉnh trước hợp nhất	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12 năm 2026
9	Xây dựng quy định bắt buộc tích hợp thiết bị cảm biến và các ứng dụng công nghệ số khác vào công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý	Ban hành quy định của tỉnh kèm lộ trình áp dụng phù hợp, bảo đảm hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp; các dự án đầu tư hạ tầng thiết yếu, giao thông, đô thị, xây dựng có nội dung nghiên cứu bổ sung hạng mục IoT, cảm biến	Sở Khoa học và Công nghệ	Năm 2026 - 2030

II. Phát triển hạ tầng, hệ thống, nền tảng số, dữ liệu số

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
1	Triển khai mạng 5G trên địa bàn tỉnh	Phát triển hạ tầng mạng 5G phủ đến 100% khu công nghiệp, khu đô thị, trung tâm hành chính, khu du lịch, đảm bảo triển khai phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
2	Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet băng rộng tốc độ cao trên địa bàn tỉnh	Nâng cấp, mở rộng hạ tầng băng rộng cố định và di động; bảo đảm người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet tốc độ cao, làm nền tảng triển khai các dịch vụ số, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
3	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo mô hình điện toán đám mây.	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo mô hình điện toán đám mây dùng riêng kết nối với hệ thống đám mây của Chính phủ nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng. Thực hiện trên cơ sở kế thừa Trung tâm dữ liệu hiện có; ưu tiên sử dụng hạ tầng, nền tảng điện toán đám mây tại Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12 năm 2026
4	Triển khai IPv6 đối với hệ thống thông tin dùng chung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh và Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai, vận hành trên nền IPv6	100% hệ thống thông tin dùng chung tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh hỗ trợ truy cập song song IPv4/IPv6, tiến tới vận hành ưu tiên IPv6 và 100% Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được triển khai, vận hành trên nền IPv6	Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 12 năm 2026

5	Phát triển, hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
6	Triển khai, duy trì các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh	6.1. Hệ thống theo dõi chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu; 6.2. Ứng dụng công dân số (iGiaLai); 6.3. Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội 2 cấp; 6.4. Hệ thống giám sát và phân tích thông tin trên môi trường mạng; 6.5. Hệ thống thông tin nguồn.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hàng năm
7	Triển khai hệ thống cửa khẩu số	Triển khai chuyển đổi Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh theo mô hình cửa khẩu số nhằm tăng cường công tác quản lý, giám sát của các cơ quan nhà nước; tạo kênh thông tin, kết nối đa chiều giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.	Ban Quản lý Khu kinh tế	Tháng 12 năm 2026
8	Triển khai các nền tảng số lĩnh vực thanh tra; khiếu nại, tố cáo	Triển khai đầy đủ các nền tảng quốc gia về giải quyết khiếu nại, tố cáo; thanh tra; kiểm soát tài sản, thu nhập theo hướng dẫn của Thanh tra Chính phủ; 100% dữ liệu kết nối, tích hợp với nền tảng quốc gia đúng tiêu chuẩn	Thanh tra tỉnh	Theo tiến độ của Trung ương
9	Triển khai xây dựng, hoàn thiện và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Gia Lai	Xây dựng, hoàn thiện và cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý đất đai thống nhất toàn tỉnh theo quy định; kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, VNeID và Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; hiện đại hóa hệ thống quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thiện năm 2026 và cập nhật hàng năm
10	Xây dựng, phát triển, hoàn thiện Trung tâm IOC tỉnh;	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Sở Khoa học và Công nghệ	Hoàn thiện năm 2026 và cập nhật hàng năm

	Kho dữ liệu số dùng chung của tỉnh.			
11	Triển khai hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc có chứa nội dung bí mật nhà nước	Triển khai theo Quyết định số 2481/QĐ-TTg ngày 13/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	Các đơn vị, địa phương	Theo thời hạn và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ
12	Số hóa văn bằng chứng chỉ	Dữ liệu văn bằng chứng chỉ được cập nhật vào CSDL văn bằng chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo bảo đảm đầy đủ, chính xác theo Kế hoạch số 2355/KH-BGDĐT ngày 22/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc số hóa văn bằng chứng chỉ đã cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Theo Kế hoạch của Bộ GDĐT
13	Tiếp tục triển khai đề án phát triển giáo dục STEM cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh.	Triển khai đồng bộ và hiệu quả giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục phổ thông nhằm phát triển phẩm chất, năng lực khoa học – công nghệ – kỹ thuật – toán học cho học sinh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Theo đề án được phê duyệt
14	Xây dựng WebGIS quản lý trực tuyến cơ sở dữ liệu công trình thủy lợi, đê điều, nước sạch nông thôn và phòng chống thiên tai tại tỉnh Gia Lai	WebGIS trực tuyến quản lý cơ sở dữ liệu công trình thủy lợi, đê điều, nước sạch nông thôn và phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tháng 12/2027 và cập nhật hằng năm
15	Triển khai hệ thống thiết bị IoT theo dõi điện, nước, xả thải, môi trường trong KCN	Triển khai thực hiện mô hình KCN thông minh; kết nối dữ liệu sản xuất với nền tảng IoT tỉnh.	Ban Quản lý Khu kinh tế	Năm 2027

16	Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Công Thương	Xây dựng cơ sở dữ liệu và nền tảng phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Sở Công Thương; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính dựa trên nền tảng số	Sở Công Thương	Hàng năm
17	Thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu, thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản	Thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản được cập nhật bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định tại Nghị định số 357/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ.	Sở Xây dựng	Hàng năm
18	Phát triển hạ tầng dữ liệu phục vụ trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn	Nghiên cứu, đề xuất phương án nâng cấp hạ tầng tính toán, lưu trữ tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đáp ứng yêu cầu xử lý dữ liệu lớn và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, gắn với nhiệm vụ nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo mô hình điện toán đám mây; ưu tiên khai thác hạ tầng trí tuệ nhân tạo quốc gia, hạ tầng tính toán hiệu năng cao và Nền tảng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo dùng chung, chỉ đầu tư mới khi chưa có thành phần dùng chung đáp ứng yêu cầu	Sở Khoa học và Công nghệ	Hàng năm
19	Thí điểm sàn dữ liệu/không gian giao dịch dữ liệu cấp tỉnh	Nghiên cứu, chuẩn bị điều kiện đề xuất thí điểm khai thác, cung cấp dữ liệu trên sàn dữ liệu hoặc không gian giao dịch dữ liệu.	Công an tỉnh	Năm 2027 - 2030
20	Triển khai, duy trì các nền tảng số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	20.1. Hệ thống họp trực tuyến; 20.2. Hệ thống theo dõi nhiệm vụ; 20.3. Hệ thống phòng họp không giấy; 20.4. Hệ thống theo dõi, đánh giá các chỉ số cải cách hành chính; 20.5. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; 20.6. Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử tỉnh; 20.7. Duy trì các phần mềm bản quyền; 20.8. Hệ thống giám sát công tác giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh; 20.9. Trang thông tin điện tử 135 xã, phường; 20.10. Hệ thống ứng dụng AI hỗ trợ tiếp nhận chuyển văn bản tự động; 20.11. Hạ tầng vận hành máy chủ ứng dụng đánh giá KPI.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Hàng năm

		Bảo đảm không trùng lặp, tích hợp với Nền tảng điều hành số quốc gia, Trợ lý ảo quốc gia và các nền tảng số dùng chung quốc gia.		
21	Triển khai, nhân rộng các mô hình ứng dụng trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật và công nghệ số trong sản xuất nông, lâm, thủy sản và phòng, chống thiên tai.	Ứng dụng hệ thống cảm biến, thiết bị quan trắc, camera thông minh, thiết bị bay không người lái, bản đồ số, trí tuệ nhân tạo và nền tảng phân tích dữ liệu để theo dõi môi trường sản xuất; nhận diện sâu bệnh, dịch bệnh; dự báo, cảnh báo rủi ro; tối ưu hóa sử dụng nước, vật tư, thức ăn và hỗ trợ truy xuất nguồn gốc. Dữ liệu phát sinh được chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu ngành và Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh theo quy định.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường	Hàng năm
22	Xây dựng và triển khai Đề án Bảo tàng số Bảo tàng Quang Trung	Xây dựng Kế hoạch và triển khai số hóa hiện vật đang trưng bày tại Bảo tàng Quang Trung và Xây dựng tour du lịch ảo tham quan và trải nghiệm AR/VR tại Bảo tàng Quang Trung.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Năm 2026 - 2030
23	Cập nhật Khung kiến trúc dữ liệu cấp tỉnh, Khung quản trị, quản lý dữ liệu cấp tỉnh, Từ điển dữ liệu dùng chung cấp tỉnh; Danh mục dữ liệu cấp xã phải cập nhật	Dữ liệu của tỉnh được quản trị thống nhất, đồng bộ với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung; có cơ chế kiểm soát chất lượng và chia sẻ dữ liệu giữa cấp tỉnh với cấp xã	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Tháng 02 năm 2027
24	Xây dựng Bộ chỉ số đo lường kết quả (KPI) cấp tỉnh và các bảng thông tin điều hành (Dashboard) của tỉnh	Đo lường mức độ tuân thủ kiến trúc và kết quả thực chất của chuyển đổi số; dữ liệu được thu thập tự động từ quá trình vận hành các hệ thống, hạn chế báo cáo thủ công	Sở Khoa học và Công nghệ	Sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Bộ chỉ số KPI; cập nhật hàng năm

25	Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) từ cấp tỉnh đến cấp xã	Tái cấu trúc mạng TSLCD hiện có và mạng diện rộng của tỉnh; dịch chuyển ứng dụng, nền tảng dùng chung lên mạng TSLCD, bảo đảm kết nối thông suốt, an toàn, đồng bộ theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	Thường xuyên
26	Công bố dữ liệu mở; công khai hiện trạng, lộ trình xây dựng dữ liệu; đánh giá, xếp hạng mức độ phát triển dữ liệu	Công bố các bộ dữ liệu mở có giá trị cao phục vụ người dân, doanh nghiệp; công khai hiện trạng, lộ trình xây dựng dữ liệu, mức độ chia sẻ, sử dụng dữ liệu của các cơ quan nhà nước; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ phát triển dữ liệu của các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Hàng năm

III. Phát triển nhân lực số

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
1	Bố trí nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số	Bảo đảm nguồn nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại cơ sở	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hàng năm
2	Triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về bán dẫn, AI và an toàn, an ninh mạng	Phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn. Đào tạo tối thiểu 500 sinh viên/năm chuyên ngành bán dẫn, AI, an toàn-an ninh mạng tại Trường Đại học Quy Nhơn; tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp $\geq 80\%$	Trường Đại học Quy Nhơn	Theo đề án được phê duyệt
3	Tiếp tục triển khai cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi	Thu hút, giữ chân và phát huy hiệu quả nguồn nhân lực chuyển đổi số chất lượng cao	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên

	mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.			
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin	Nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, hình thành đội ngũ nhân lực nòng cốt về chuyển đổi số phục vụ xây dựng chính quyền số.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Thường xuyên
5	Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; hỗ trợ tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số, thương mại điện tử và kỹ năng số cơ bản, phù hợp đặc thù tỉnh có 23,98% dân số là người dân tộc thiểu số	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Năm 2026 - 2030
6	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn hình thành lực lượng nông dân số, nông dân chuyên nghiệp và đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại	Đào tạo kỹ năng quản trị số, khai thác dữ liệu, sử dụng nhật ký điện tử, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu và ứng dụng công nghệ số trong sản xuất cho cán bộ quản trị hợp tác xã, thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nông nghiệp, chủ thể OCOP và nông dân tại các vùng nguyên liệu; phân đầu giai đoạn 2026 - 2030 đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn khoảng 1.500 lượt người theo chương trình, nội dung do Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hàng năm
7	Xây dựng và triển khai chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng AI, kỹ năng an toàn trên không gian mạng	Nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân; bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu đào tạo kỹ năng số cơ bản của tỉnh đến năm 2030, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia đào tạo tối thiểu 10 triệu lượt người	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Sở Nội vụ	Hàng năm

IV. An toàn thông tin mạng

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
1	Triển khai duy trì Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh	Thuê phần mềm giám sát, phát hiện và phản hồi tấn công trên thiết bị đầu cuối (EDR) và phần mềm thu thập, quản lý thông tin và các sự kiện bảo mật tập trung để giám sát ATTT đối với hệ thống máy chủ, thiết bị mạng tại Trung tâm dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
2	Xây dựng, triển khai Dự án Trung tâm an ninh mạng tỉnh Gia Lai	Hình thành Trung tâm an ninh mạng của tỉnh	Công an tỉnh	Năm 2026 - 2027
3	Tổ chức các chương trình diễn tập đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh	Tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế.	Công an tỉnh	Hàng năm
4	100% hệ thống thông tin được phê duyệt và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.	Công an tỉnh	Thường xuyên
5	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, thuê dịch vụ CNTT để đáp ứng phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt	Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và Trung tâm dữ liệu tỉnh.	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm

6	Triển khai chương trình “An toàn thông tin cộng đồng”	Triển khai đến từng xã, phường, trường học và doanh nghiệp nhằm phổ cập kiến thức về bảo mật cá nhân, nhận diện tấn công lừa đảo, bảo vệ thiết bị và dữ liệu cá nhân	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	Hàng năm
---	---	--	---	----------

V. Phát triển kinh tế số, xã hội số

TT	Nhiệm vụ	Mục tiêu chính của nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Thời hạn hoàn thành
1	Triển khai các hệ sinh thái dịch vụ số thông minh.	Phát động, triển khai hiệu quả chương trình “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam trên không gian số”.	Sở Công Thương	Hàng năm
2	Phát triển “Nông nghiệp công nghệ cao - Nông dân số - Nông thôn thông minh – Nông thôn mới hiện đại”	Xây dựng thí điểm xã nông thôn mới hiện đại	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hàng năm
3	Triển khai hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp	Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng các máy móc thiết bị tiên tiến nâng cao năng suất dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số	Sở Công Thương	Hàng năm
4	Chuyên đổi số để “tối ưu hóa” các dịch vụ xã hội cơ bản trên các lĩnh vực: y tế, giáo dục, lao động	Về y tế (Sở sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử...); về giáo dục (học bạ số, quản lý học sinh, sinh viên...); về lao động (tuyển dụng, đào tạo, phúc lợi xã hội...)	Sở Y tế, Sở GDĐT, Sở Nội vụ	Hàng năm

5	Triển khai mô hình “Xã hạt nhân về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”	Triển khai hiệu quả mô hình theo Quyết định số 3306/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án Phát huy vai trò của đoàn viên, thanh niên trong chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2030	Tỉnh đoàn, Văn phòng UBND tỉnh	Hàng năm
6	Xây dựng sản phẩm du lịch số (VR/AR, trải nghiệm 360°)	Phát triển các sản phẩm du lịch số; ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), trải nghiệm 360° trong quảng bá, giới thiệu các điểm du lịch của tỉnh (thực hiện nhiệm vụ số 60, Phụ lục II Quyết định số 1033/QĐ-TTg).	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Hàng năm
7	Chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt	Đẩy mạnh chi trả các chế độ an sinh xã hội không dùng tiền mặt; mở rộng thanh toán qua tài khoản ngân hàng, ví điện tử, Mobile Money đối với các đối tượng hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Thường xuyên
8	Tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân đăng ký chữ ký số công cộng trên VNeID	Đảm bảo cho người dân có chữ ký số công cộng gắn với ứng dụng VNeID phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến theo quy định pháp luật	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên
9	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số ngành Nông nghiệp và Môi trường; ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong quản lý, dự báo,	Xây dựng, chuẩn hóa, số hóa, cập nhật và khai thác dữ liệu về vùng trồng, vùng nguyên liệu, mã số vùng trồng, cơ sở chăn nuôi, vùng nuôi trồng thủy sản, tàu cá, lâm nghiệp, thủy lợi, môi trường, tài nguyên nước và phát triển nông thôn; tích hợp nhật ký điện tử, truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành,	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hàng năm

	cảnh báo và hỗ trợ ra quyết định.	Kho dữ liệu dùng chung, Trung tâm IOC và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh theo quy định.		
10	Triển khai cấp căn cước, tài khoản định danh điện tử và thúc đẩy khai thác, sử dụng VNeID	Đảm bảo đến năm 2030 có 100% công dân từ 14 tuổi trở lên có căn cước, tài khoản định danh điện tử	Công an tỉnh	Hàng năm
11	Phổ biến, truyền thông Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số	Nâng cao nhận thức và ý thức ứng xử văn hóa của người dân, cán bộ, công chức trên môi trường số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thường xuyên
12	Thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh xây dựng hiện diện số trực tuyến thông qua tên miền quốc gia “.vn”	Hỗ trợ xây dựng hiện diện số trên Internet thông qua tên miền “.vn” gắn với website, email và các dịch vụ số, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và tăng độ tin cậy trong giao dịch số	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương	Thường xuyên